TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2018/DS-PT
Ngày: 17 - 9 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Hồ Minh Tấn

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLPT- DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2018/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: xã Kh, huyện U, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn M, sinh năm 1954 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Xã Kh, huyện U, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Văn M: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966, địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh C (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956 (có mặt).
2. Bà Lâm Thị Th, sinh năm 1930 (có mặt).
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959 (có mặt).
4. Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1952 (vắng mặt).
5. Ông Sơn Thanh T1, sinh năm 1955 (vắng mặt).
6. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1955 (có mặt).
7. Anh Đào Quốc T (có mặt).
Cùng địa chỉ cư trú: Xã Kh, huyện U, tỉnh C

-Người kháng cáo: Ông Ngô Văn M – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 02 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Nguyên trước đây mẹ ông là bà Lâm Thị Th có cho ông M phần đất tại ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chiều ngang là 37 mét, chiều dài đến sông Khánh Hội. Đến năm 1995 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 150. Cha mẹ ông có cho vợ chồng ông Ngô Văn M, bà Nguyễn Thị G phần đất cặp ranh với ông, khi vợ chồng ông Ngô Văn M cất nhà, mẹ ông nói là cho vợ chồng ông Ngô Văn M đào đường mương trên phần đất của ông để chở lúa lấy đất đắp nền nhà còn phần bờ thì làm ranh đất. Khi có bờ ranh thì ông Ngô Văn M trồng hàng dừa để làm bờ ranh. Sau đó khi Nhà nước thổi đất thì đường mương bị lấp lại, nhưng hàng dừa vẫn còn. Đến năm 2014 ông Ngô Văn M trồng dừa lấn sang phần đất của ông T1hì mẹ ông là bà Lâm Thị Th nói với ông Ngô Văn M tại sao trồng dừa lấn sang đất của ông nhưng ông Ngô Văn M nói là đất của ông M, từ đó phát sinh tranh chấp.

Khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã giữa ông và ông M thỏa thuận được với nhau, khi đó Ủy ban nhân dân xã đã cặm cột mốc ranh giới, nhưng sau đó ông Ngô Văn M tự ý nhổ cột mốc.

Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn M trả lại cho ông phần đất với diện tích theo kết quả đo đạc ngày 09 tháng 11 năm 2017 kèm theo sơ đồ vị trí đất ngày 05/12/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh với diện tích là 284,5m^2.

* *Trong quá trình xét xử ông Ngô Văn M trình bày*:

Vào năm 1979 cha mẹ vợ ông là bà Lâm Thị Th cho ông và vợ là Nguyễn Thị G một phần đất tại ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tiếp giáp với đất ông L, khi đó có bờ ranh là đường mương để đi ra ruộng chở lúa. Đến năm 1995 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần diện tích đất đang tranh chấp với ông Nguyễn Văn L có vị trí tiếp giáp như sau: Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn L; hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Xuân; hướng Nam giáp lộ xe U Minh – Khánh Hội; hướng Bắc giáp Kinh Hội.

Ông L cho rằng ông M lấn đất của ông L là không đúng, đất này là của ông và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý trả lại phần đất theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn L.

Trên phần đất tranh chấp có 02 căn nhà, 01 căn ông cho ông Sơn Thanh T1 và bà Nguyễn Ngọc A thuê đất cất nhà ở và cho bà Trần Thị Tr mượn đất cất nhà ở và ông có trồng 08 cây dừa và 04 cây me, quá trình giải quyết đất thuộc về ai đi nữa thì ông cũng không yêu cầu liên quan đến cây trồng này.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Bà Lâm Thị Th trình bày*: Bà và chồng bà là ông M1 có cho con là Nguyễn Văn L phần đất tại ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh với diện tích chiều ngang 37 mét, chiều dài hết phần đất, còn cho vợ chồng Nguyễn Thị G, Ngô Văn M phần đất giáp ranh với Nguyễn Văn L cũng chiều dài hết phần đất.

Khi bà cho đất thì các con của bà có đào con mương để chở lúa và lấy đất đắp nền nhà cho vợ chồng ông M, nhưng con mương nằm trên phần đất của Nguyễn Văn L và khi đó giữa hai bên thống nhất lấy hàng dừa do ông M trồng làm bờ ranh. Bà xác định phần đất hiện đang tranh chấp giữa ông L với ông M thuộc phần đất của ông L, trước đây bà đã cho ông L. Do đó bà thống nhất với yêu cầu của ông L buộc vợ chồng Nguyễn Thị G, Ngô Văn M trả lại phần đất lấn chiếm cho Nguyễn Văn L.

- *Bà Nguyễn Thị G trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Ngô Văn M, bà không T1rình bày bổ sung gì thêm.

- *Bà Nguyễn Thị C trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn L, bà bổ sung thêm là cha mẹ cho đất vào năm 1979.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2016 bà Trần Thị Tr trình bày:* Hiện nay bà đang mượn phần đất của ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị G để cất nhà tạm ở, trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông Ngô Văn M thì bà tiếp tục mượn đất để ở, còn nếu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L thì bà sẽ tự nguyện tháo dở di dời nhà đi nơi khác.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2016 bà Nguyễn Ngọc A trình bày:* Hiện nay vợ chồng bà đang thuê phần đất của ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị G để cất nhà ở, hợp đồng thuê 05 năm, thời gian thuê từ năm 2016 đến năm 2021, giá thuê 2.500.000 đồng/năm. Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông Ngô Văn M thì bà được tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê đất với vợ chồng ông Ngô Văn M, còn nếu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L thì vợ chồng bà sẽ tự nguyện tháo dở di dời nhà đi nơi khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2016 ông Sơn Thanh T1 trình bày:* Hiện nay ông và vợ ông là bà A đang thuê phần đất của ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị G để cất nhà ở. Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông Ngô Văn M thì ông T1iếp tục thực hiện hợp đồng thuê đất với vợ chồng ông Ngô Văn M, còn nếu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L thì ông sẽ tự nguyện tháo dở di dời nhà đi nơi khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2016 anh Đào Quốc T trình bày:* Anh có trồng 07 cây mai vàng và 02 cây gừa trên phần đất của cha vợ anh là ông Nguyễn Văn L, không phải trồng trên phần đất của ông Ngô Văn M. Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc về ông Ngô Văn M thì anh sẽ di dời các cây trồng đi nơi khác còn nếu đất của cha vợ anh thì anh tiếp tục trồng cây ở đó.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Văn M trình bày:* Ông Ngô Văn M sử dụng phần đất ổn định hơn 30 năm, từ khi ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và canh tác phía ông L cũng không có ngăn cản nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông L, giữ nguyên hiện trạng đất cho ông M.

Từ nội dung trên , tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 158; khoản Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Ngô Văn M về việc yêu cầu ông Ngô Văn M trả lại đất. Buộc ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị G khai thác 08 cây dừa và 04 cây me trả lại đất cho ông Nguyễn Văn L phần đất có diện tích, vị trí đất theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh như sau:

- Một cạnh tiếp giáp với Sông Khánh Hội dài 6,2 mét,
- Một cạnh tiếp giáp với Đê bao khoanh rừng dài 2,5 mét,
- Một cạnh tiếp giáp với đất ông Nguyễn Văn L dài 65,4 mét,
- Một cạnh tiếp giáp với đất ông Ngô Văn M dài 65,9 mét,

Tổng diện tích là 284,5 m^2, đất thuộc ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L hỗ trợ cho ông Ngô Văn M khai thác 08 cây dừa và 04 cây me với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

3. Buộc bà Trần Thị Tr tháo dỡ, di dời căn nhà ngang 2,5 mét dài 4,6 mét, lợp lá, vách lá, nền đất, khung nhà bằng cây gỗ địa phương trả lại đất cho ông Nguyễn Văn L.

4. Buộc ông Sơn Thanh T1, bà Nguyễn Ngọc A tháo dỡ, di dời căn nhà ngang 3,6 mét, dài 5 mét, vách thiết, lợp tol lạnh, nền đất, khung nhà bằng cây gỗ địa phương, trả lại đất cho ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng , án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18.6.2018 ông Ngô Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm , đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do đất ông M sử dụng, có ranh giới nhưng suốt 36 năm qua, có đắp bờ , trồng cây nhưng ông L không ngăn cản gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị G (là vợ ông Ngô Văn M) xác định mẹ bà là bà Thêm cho đất là cho đất vợ chồng bà có mặt tiền 01 công rưỡi tầm lớn, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn . Đối với bà Lâm Thị Th khẳng định khi cho đất ông L là cho chiều ngang tiền hậu đều 37 mét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, buộc ông Ngô Văn M trả cho ông Nguyễn Văn L tổng diện tích là 284,5m^2, phần đất thuộc ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (theo sơ đồ đo đạc ngày 05/12/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh). Ông L

đồng ý với án sơ thẩm ; ông Ngô Văn M không đồng ý với án sơ thẩm , có đơn kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn , lý do đất ông M sử dụng đất có ranh giới suốt 36 năm qua, có đắp bờ, trồng cây nhưng ông L không ngăn cản gì. Từ đó, đông M đề nghị sửa án và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, giữ y phần đất tranh chấp cho ông M sử dụng.

[2] Về nguồn gốc đất đều được các bên thừa nhận : Đất ông Nguyễn Văn L và ông Ngô Văn M đang sử dụng, đang tranh chấp có nguồn gốc là của bà Lâm Thị Th cho ông Nguyễn Văn L một phần và cho bà Nguyễn Thị G cùng ông Ngô Văn M một phần; ông L và ông M đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, đất của ông L thuộc thửa số 150 (diện tích 2.250m^2), đất của ông M thuộc thửa số 149 (diện tích 4.300m^2).

[3] Ông Nguyễn Văn L và ông Ngô Văn M cùng thống nhất diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế tại biên bản ngày 09/11/2017 và sơ đồ đo đạc ngày 05/12/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh có tổng diện tích tranh chấp 284,5m^2, có vị trí như sau: một cạnh tiếp giáp với Sông Khánh Hội dài 6,2 mét, một cạnh tiếp giáp với Đê bao khoanh rừng dài 2,5 mét, một cạnh tiếp giáp với đất ông L dài 65,4 mét, một cạnh tiếp giáp với đất ông M dài 65,9 mét. Trên phần đất tranh chấp có trồng các loại cây dừa, cây me (ông M trồng), cây gừa, mai vàng (con rể ông L trồng) và 02 căn nhà (do người thuê đất ông M cất).

[4] Ông L cho rằng trước đây khi ông M trồng dừa lấn qua phần đất của ông, gia đình đều có nói nhưng nghĩ trồng dừa vài cây là để cho con cháu ăn, nên không yêu cầu ông M đốn. Đến năm 2014, ông M tiếp tục trồng dừa, ông L ngăn cản và phát sinh tranh chấp . Ông L cho rằng ông M lấn chiếm qua phần đất của ông L, còn ông M cho rằng phần đất tranh chấp là thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M. Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/1995 của Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp cho ông Ngô Văn M tại thửa số 149 có diện tích là 4.300 m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/1995 của Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp cho ông Nguyễn Văn L tại thửa số 150 có diện tích là 2.250 m^2. Tuy nhiên, theo bản đo vẽ ngày 5/12/2017, thì diện tích thực tế các bên sử dụng đều có ít hơn diện tích được cấp , đất của ông L có diện tích theo đo đạc là 2.002,4 m^2, còn đất của ông M có diện tích là 4.013,4 m^2, (ông M và ông L đều thống nhất với bản vẽ ngày 5/12/2017 này).

[5] Xét quá trình sử dụng đất , ông M sử dụng lâu dài , liên tục, trên đất có trồng nhiều loại cây lâu năm như dừa, me; con rể ông L thì trồng mai, trồng gừa. Song, diện tích đất tranh chấp có nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M hay không đều kh ông T1hể xác định được , bởi lẽ thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M và ông L vào năm 1995 là cấp đại trà theo kê khai, và cũng không có kích thước chiều ngang, chiều dài cụ thể. Trong khi từ suốt quá trình giải quyết vụ án , cũng như tại phiên tòa phúc thẩm , chính bà Thêm là mẹ ruột của ông L và bà G (vợ ông M) đều xác định khi cho đất anh L là cho chiều ngang mặt tiền và hậu là 37 mét; còn bà G khẳng định tại phiên tòa phúc thẩm là mẹ bà Thêm đã cho bà G mặt tiền là một công rưỡi tầm lớn . Như vậy, căn cứ vào b ản vẽ ngày 5/12/2017, nếu cộng phần mặt tiền tranh chấp 6,2 mét (giáp

sông Khánh Hội) thì đất tranh chấp của ông L mới đủ chiều ngang 37 mét (như bà Thêm xác định); còn đất của ông M có chiều ngang một công rưỡi mặt tiền như bà G trình bày là bằng 54 mét (36 mét + 18 mét), như vậy nếu so với theo bản vẽ ngày 5/12/2017 thì phần đất của ông M là 54.7 mét (thì nhiều hơn so với lời trình bày của bà G – người được bà Thêm cho đất). Chính vì vậy, ông L đòi ông M trả lại diện tích đất là có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, vụ việc tranh chấp giữa ông M và ông L được Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội hòa giải năm 2016, có sự tham gia của gia đình các bên, ông M và ông L thống nhất ranh giới các bên, tiến hành cắm ranh làm chuẩn, nhưng sau đó ông M tự nhổ bỏ các trụ đá không T1hực hiện thỏa thuận, dẫn đến tiếp tục tranh chấp. Nay ông M yêu cầu giữ y phần đất tranh chấp cho ông sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Trên phần đất tranh chấp có căn nhà vách lá, nền đất (ngang 2,5 mét dài 4,6 mét) của bà Tr mượn đất cất (hiện nay bà Trong về quê không còn ở) và căn nhà vách thiết, nền đất (ngang 3,6 mét, dài 5 mét) của ông Sơn Thanh T1, bà Nguyễn Ngọc A thuê của ông M. Xét thấy, phần đất tranh chấp buộc ông M trả lại cho ông L. Do đó buộc bà Tr, ông T1 và bà A tháo dỡ di dời toàn bộ nhà trả lại đất cho ông L. Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr, ông T1 và bà A cũng đồng ý và không yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.

[7] Đối với 02 cây gừa và 07 cây mai vàng do anh Đào Quốc T trồng và anh Tuấn xác định đã di dời toàn bộ khỏi phần đất tranh chấp từ giai đoạn xét xử sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm không xem xét. Trên phần đất tranh chấp ông Ngô Văn M có trồng 08 cây dừa và 04 cây me, từ cấp sơ thẩm ông M không yêu cầu liên quan đến cây trồng, nhưng ông L xác định ông được nhận lại phần đất thì ông hoàn lại cho ông M số tiền 500.000 đồng để ông M khai thác cây khỏi phần đất của ông, nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp.

[8] Về chi phí đo đạc, thẩm định 1.500.000 đồng ông L đã nộp, ông M phải hoàn trả lại cho ông L là phù hợp.

[9] Do án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ hoàn trả tiền của các bên nhưng không T1uyên về lãi suất chậm trả, nên cấp phúc thẩm cần bổ sung nội dung này cho phù hợp với quy định chung của pháp luật.

[10] Đối với ông L và ông M đều là người cao tuổi, tại cấp sơ thẩm các ông chưa có đơn xin miễn án phí, đến cấp phúc thẩm các ông mới nộp đơn xin miễn án phí theo luật định, nên cần xét miễn án phí cho ông L và ông M theo quy định Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm về án phí là phù hợp luật định.

[11] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Văn M đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông M, đề nghị giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp cho ông M là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[12] Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

[13] Việc xét xử vắng mặt các đương sự không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo trình tự thủ tục luật định.

[14] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn M. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Ngô Văn M về việc yêu cầu ông Ngô Văn M trả lại đất.

Buộc ông Ngô Văn M và bà Nguyễn Thị G khai thác 08 cây dừa và 04 cây me trả lại đất cho ông Nguyễn Văn L phần đất có diện tích, vị trí đất theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh như sau:

- Một cạnh tiếp giáp với Sông Khánh Hội dài 6,2 mét.
- Một cạnh tiếp giáp với Đê bao khoanh rừng dài 2,5 mét.
- Một cạnh tiếp giáp với đất ông Nguyễn Văn L dài 65,4 mét.
- Một cạnh tiếp giáp với đất ông Ngô Văn M dài 65,9 mét.

Tổng diện tích là 284,5 m^2, đất thuộc ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. *(Kèm theo bản vẽ ngày 5.12.2017).*

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L hỗ trợ cho ông Ngô Văn M khai thác 08 cây dừa và 04 cây me với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

3. Buộc bà Trần Thị Tr tháo dỡ, di dời căn nhà (ngang 2,5 mét dài 4,6 mét), lợp lá, vách lá, nền đất, khung nhà bằng cây gỗ địa phương; buộc ông Sơn Thanh T1, bà Nguyễn Ngọc A tháo dỡ, di dời căn nhà (ngang 3,6 mét, dài 5 mét), vách thiết, lợp tol lạnh, nền đất, khung nhà bằng cây gỗ địa phương để trả lại phần đất cho ông Nguyễn Văn L.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, ông Ngô Văn M phải chịu, ông Nguyễn Văn L đã nộp, ông M phải hoàn trả cho ông L số tiền 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hàn h án (của người được thi hành án), nếu người phải thi hành án không T1hi hành, thì còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh trên trên mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Nguyễn Văn L , ông L đã dự nộp 200.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05547 ngày 01/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được hoàn lại.

Án phí phúc thẩm : Ông Ngô Văn M không phải chịu , đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai 0012041 ngày 18.6.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út